

Bản án số: 212/2024/HS-ST

Ngày 13 - 05 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Oanh.

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Yên – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 238/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 04 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 05 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L; sinh ngày 14 tháng 07 năm 1990; nơi sinh: tỉnh Thanh Hoá; Nơi cư trú: Lô B, MBQH I, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc S; Con bà: Trần Thị T; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 03; Chồng: Cao Thành T1 (*đã ly hôn*), con: Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2017; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 13/03/2007 bị Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 09/07/2009 bị Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 25/09/2019 bị Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tạm giữ: Không. Tạm giam: Không. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Bùi Thị D; sinh năm: 1974; nơi cư trú: Số nhà A Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. *(vẫn mặt không có lý do)*.

2. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số nhà A Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. *(vẫn mặt không có lý do)*.

3. Chị Lê Thị L1, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số nhà D Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. *(vẫn mặt không có lý do)*.

4. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số nhà D C, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. *(vẫn mặt không có lý do)*.

5. Anh Bùi Xuân L2, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số nhà C H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. *(vẫn mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mục đích vụ lợi nên từ cuối năm 2022 đến tháng 01/2024, Nguyễn Thị L đã cho một số người dân trên địa bàn thành phố T vay tiền dưới hình thức vay lãi cao với lãi suất từ 3.333đ/1 triệu/1 ngày đến 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương với lãi suất áp dụng 121,67%/ 1 năm đến 146%/1 năm (gấp 6,08 đến 7,3 lần lãi suất tối đa quy định tại Bộ luật dân sự). Để thực hiện hành vi, L cho vay dưới hình thức vay tín chấp và vay thăm. Cụ thể từ cuối năm 2022 đến nay, Nguyễn Thị L đã cho 05 người vay tiền với số tiền lãi như sau:

1. Cho chị Bùi Thị D, sinh năm 1974 nhà ở A Đ, phường L, thành phố T vay:

Từ ngày 28/02/2023 cho đến ngày 28/11/2023, dưới hình thức vay tín chấp, chị D vay của L là 25.000.000đ (Hai năm triệu đồng), với lãi suất 3.333đ/1 triệu/1 ngày (tương ứng 121,67%/1 năm), mỗi tháng phải đóng lãi cho L số tiền 2.500.000đ/1 tháng. Tổng 10 tháng chị D đã đóng đủ lãi cho L là 25.000.000đ (Hai năm triệu đồng). Như vậy số tiền thu theo quy định (20%/năm) là 4.166.667 đồng, còn số tiền L đã thu lời bất chính là: 20.833.333 đồng. Chị D hiện đã thanh toán hết số tiền gốc cho L.

2. Cho chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974, trú tại A Q, phường Đ, thành phố T vay:

Ngày 28/8/2023, chị Đ vay L 15.000.000đồng với lãi suất 3.333đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng 121,67%/1 năm) trong thời hạn 04 tháng, mỗi tháng chị Đ trả cho L số tiền lãi là 1.500.000. Tổng số tiền lãi chị Đ đã trả cho L trong 04 tháng từ 28/8/2023 đến 28/12/2023 là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi được thu theo quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 1.000.000

đồng, số tiền thu lời bất chính là 5.000.000 đồng. Hiện tại chị Đ đã hoàn tất thanh toán hết khoản vay này với L.

3. Cho chị Lê Thị L1, sinh năm 1967, trú tại D Đ, phường L, thành phố T vay:

Ngày 19/12/2022, chị L1 vay L 01 gói thăm 5.000.000đồng với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng 146%/1 năm) trong thời hạn 50 ngày, L cắt lãi trước 1.000.000đ. Sau 50 ngày từ 19/12/2022 đến ngày 06/02/2023, chị L1 đã thanh toán hết nợ gốc cho L.

Sau đó liên tục từ khoảng tháng 2/2023 đến trước ngày L bị bắt, chị L1 còn vay của L 06 lần cùng số tiền 5.000.000đ dưới hình thức vay thăm với mức lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày (tương ứng 146%/1 năm), trả trong thời hạn 50 ngày. Mỗi gói thăm L đều cắt trước 1.000.000đ tiền lãi. Hiện tất cả gói vay chị L1 đều đã thanh toán hết tiền gốc.

Như vậy, từ 19/12/2022 đến đầu năm 2024, chị L1 vay của L 07 gói thăm 5.000.000đ, với số lãi thu được là 7.000.000đ, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định là 958.902đ, số tiền thu lời bất chính là 6.041.098đ, các gói vay được thực hiện liên tục nhau, L xoay vòng vốn thu hết số tiền gốc gói trước, sau đó sẽ cho vay gói mới.

4. Cho chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962, trú tại 4 C, phường L, thành phố T vay:

Ngày 23/12/2022, Nguyễn Thị L cho chị T2 vay số tiền 5.000.000đ dưới hình thức vay thăm với mức lãi suất là 4.000đ/1 triệu/01 ngày (lãi suất 146%/năm) trong vòng 50 ngày từ 23/12/2022 đến ngày 08/02/2023. L cắt trước 1 triệu đồng tiền lãi. Sau đó từ đầu tháng 3/2023 đến tháng 5/2023, chị T2 còn vay L 2 lần cùng số tiền 5.000.000đ với lãi suất và phương thức vay như trên. Đến nay, chị T2 đã thanh toán hết số tiền gốc cho L.

Như vậy, chị T2 đã vay của L tổng 03 lần, mỗi lần 5.000.000đ, trong thời hạn 50 ngày/1 gói vay, các gói vay được thực hiện liên tục nhau, L xoay vòng vốn thu hết số tiền gốc gói trước, sau đó sẽ cho vay gói mới, số tiền lãi L cắt trước, như vậy tổng 3 gói vay của chị T2, L thu được 3.000.000đ tiền lãi. Trong đó: số tiền được phép thu theo quy định là 410.958đ; số tiền thu lời bất chính là 2.589.042đ.

5. Cho anh Bùi Xuân L2, sinh năm 1978, trú tại phường N, thành phố T vay.

Ngày 25/11/2023, Nguyễn Thị L cho anh Bùi Xuân L2 vay số tiền 10 triệu

đồng dưới hình thức vay thăm với mức lãi suất 4.000đ/1 triệu/01 ngày (lãi suất 146%/năm) trong vòng 50 ngày từ 25/11/2023 đến ngày 14/01/2024, cắt trước lãi 2.000.000đ đồng, còn lại mỗi ngày L thu của anh L2 200.000đ tiền gốc. Tổng số lãi L đã thu của anh L2 là 2.000.000đ. Trong đó: số tiền lãi được phép thu là 273.973đ; số tiền lãi bất chính vượt quá quy định mà L thu là 1.726.027đ. Hiện anh L2 đã thanh toán hết số tiền gốc cho L.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị L khai nhận đã sử dụng 60.000.000đồng tiền gốc ban đầu cho vay, sau đó quay vòng vốn vay(có nghĩa là khi khách trả xong gốc, lãi thì tiếp tục lấy số tiền gốc cho khách khác vay). Với lãi suất L cho vay là 3.333đ/1 triệu/1 ngày đến 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 121,67%/năm đến 146%/năm, lãi suất vượt quá quy định 6,08 lần đến 7,3 lần. Tổng số tiền lãi Nguyễn Thị L thu được tính đến thời điểm bị ngăn chặn là 43.000.000 đồng; số tiền lãi tính theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự được phép thu là 6.810.502 đồng, số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính là 36.189.498 đồng .

Việc thu giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng:

Ngày 22/01/2024, khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị L thu giữ 03 tờ giấy thể hiện việc L cho Bùi Xuân L2, Lê Thị L1, Nguyễn Thị T2 vay tiền.

Ngoài ra cùng ngày Nguyễn Thị L tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 tờ giấy khác thể hiện việc cho chị Bùi Thị D và Nguyễn Thị Đ vay tiền.

Về dân sự:

Anh Bùi Xuân L2 yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị L phải trả lại số tiền mà bị cáo đã thu vượt quá theo quy định của Bộ luật dân sự.

Chị Lê Thị L1, Nguyễn Thị T2, Bùi Thị D và Nguyễn Thị Đ không có yêu cầu, đề nghị gì về phần tiền lãi bị cáo L đã thu lời bất chính.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại bản cáo trạng số 165/CT-VKS ngày 11 tháng 04 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) thành phố T, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Thị L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đồng ý với toàn bộ quan điểm và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo trình bày hiện tại bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản nào đáng giá.

Quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày phù hợp với lời khai của bị cáo, nội dung bản cáo trạng.

Đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Điều 46, Điều 47 BLHS BLHS đề nghị:

+ Về hình phạt chính: Xử phạt Nguyễn Thị L mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị L

+ Về hình phạt bổ sung: Xử phạt Nguyễn Thị L số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng

Đề nghị truy thu để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước của bị cáo số tiền gốc đã cho vay là 60.000.000 đồng, tiền lãi suất 20% theo quy định là 6.810.502 đồng (*làm tròn là 6.810.000 đồng*). Tổng số tiền truy thu của bị cáo là 66.810.000 đồng.

Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20% cho chị Bùi Thị D là 20.833.333 đồng, làm tròn là 20.833.000 đồng.

Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20% cho chị Nguyễn Thị Đ là 5.000.000 đồng.

Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20% cho chị Bùi Thị L3 là 6.041.098 đồng, làm tròn là 6.041.000 đồng.

Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20% cho chị Nguyễn Thị T2 là 2.589.042 đồng, làm tròn là 2.589.000 đồng.

Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20% cho anh Bùi Xuân L2 là 1.726.027 đồng, làm tròn là 1.726.000 đồng.

Ngoài ra Đại diện VKSND còn đề nghị về án phí, vật chứng và quyền kháng cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành

phố T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở chứng minh: Do có mục đích lợi nhuận bất chính, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2022 đến tháng 01/2024, bị cáo Nguyễn Thị L đã cho đã cho 05 người dân trên địa bàn thành phố T vay tiền dưới hình thức gói thăm lấy lãi, với lãi suất 3.333 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày đến 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày, tương đương lãi suất 121,67%/ 1 năm đến 146%/ 1 năm (gấp 6,08 lần đến 7,3 lần lãi suất tối đa quy định tại Bộ luật dân sự). Tổng số tiền mà bị cáo quay vòng vốn cho 03 người vay nêu trên là 60.000.000đ. Tính đến thời điểm bị ngăn chặn số tiền lãi bị cáo đã thu là 43.000.000 đồng; số tiền lãi tính theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự được phép thu là 6.810.502 đồng (*làm tròn là 6.810.000 đồng*), số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính là 36.189.498 đồng (*làm tròn là 36.189.000 đồng*).

Bị cáo nhận thức được việc “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Khi phạm tội bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 BLHS. Ý thức chủ quan của bị cáo là cho vay với lãi suất từ 121,67%/ 1 năm đến 146%/ 1 năm nhằm thu lợi bất chính nên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 201 BLHS như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có 01 tình tiết giảm nhẹ như sau: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại đến quyền lợi của người vay, bị cáo có

nhân thân xấu, đã ba lần bị xét xử về tội phạm có liên quan đến ma túy. Vì vậy, cần phải được xử lý nghiêm minh để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Nên áp dụng Điều 36 BLHS cho bị cáo cải tạo tại địa phương để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Do bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, không có tài sản nào đáng giá nên không thực hiện việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 60.000.000 đồng bị cáo dùng để cho vay, những người có quyền lợi, nghĩa vụ đã trả lại cho bị cáo, đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần phải truy thu từ bị cáo để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi suất giới hạn 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo 6.810.000 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần phải truy thu từ bị cáo để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với khoản lãi suất bị cáo thu vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tại cơ quan điều tra anh Bùi Xuân L2 yêu cầu bị cáo trả lại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại không có yêu cầu, đề nghị gì, tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại đều vắng mặt. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì cần phải buộc bị cáo phải trả lại toàn bộ số tiền bị cáo thu vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể:

Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20% cho chị Bùi Thị D là 20.833.333 đồng, làm tròn là 20.833.000 đồng.

Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20% cho chị Nguyễn Thị Đ là 5.000.000 đồng.

Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20% cho chị Bùi Thị L3 là 6.041.098 đồng, làm tròn là 6.041.000 đồng.

Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20% cho chị Nguyễn Thị T2 là 2.589.042 đồng, làm tròn là 2.589.000 đồng.

Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20% cho anh Bùi Xuân L2 là 1.726.027 đồng, làm tròn là 1.726.000 đồng.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo L cho vay với mục đích vụ lợi nên căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 40.000.000 đồng đối với bị cáo N.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 46, Điều 47 BLHS; Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố T, tỉnh Thanh Hoá nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị L 40.000.000đ (*Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng*) để sung quỹ nhà nước.

Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước từ bị cáo Nguyễn Thị L số tiền gốc 60.000.000đ (*Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng*) và 6.810.000đ (*Bằng chữ: Sáu triệu tám trăm mười nghìn đồng*) tiền lãi suất tối thiểu 20%/năm theo quy định. Tổng là 66.810.000đ (*Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu tám trăm mười nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20%/năm cho chị Bùi Thị D là 20.833.000đ (*Bằng chữ: Hai mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20%/năm cho chị Nguyễn Thị Đ là 5.000.000đ (*Bằng chữ: Năm triệu đồng*) .

- Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20%/năm cho chị Bùi Thị L3 là 6.041.000đ (*Bằng chữ: Sáu triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20%/năm cho chị Nguyễn Thị T2 là 2.589.000đ (*Bằng chữ: Hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20%/năm cho anh Bùi Xuân L2 là 1.726.000đ (*Bằng chữ: Một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng*)

Án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000đ (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt

những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có ql, nv lq;
- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hoá;
- CA thành phố Thanh Hoá;
- THAHS, DS thành phố Thanh Hoá;
- VKSND thành phố Thanh Hoá;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tân